

Tên tổ chức kiểm định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

KIỂM ĐỊNH AN TOÀN VÀ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT MÁY THỞ (MÁY THỞ KHÔNG XÂM NHẬP)

Số:

Tên thiết bị:

Chủng loại (Model):

Số sêri máy:

Hãng sản xuất:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Đặc trưng kỹ thuật:

- Loại bảo vệ: Class I ☐ Class II ☐ Class IP ☐

- Loại bộ phận ứng dụng: B ☐ BF ☐ CF ☐

Cơ sở y tế sử dụng thiết bị:

Khoa, phòng sử dụng thiết bị:

Thiết bị sử dụng trong kiểm định:

STT	Thiết bị	Chủng loại (Model)	Hãng/nước sản xuất	Hạn hiệu chuẩn
1	Nhiệt kế			
2	Ăm kế			
3	Thiết bị phân tích an toàn điện			

4	Thiết bị kiểm định máy thở			
5	Máy đo cường độ âm thanh			

Điều kiện kiểm định:

Nơi kiểm định:

Kiểm định viên:

Mã số kiểm định viên:

Ngày kiểm định:

NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra chung

1.1. Kiểm tra hồ sơ

Bảng 1 - Nội dung kiểm tra hồ sơ

TT	Nội dung kiểm tra	Đạt	Không đạt
1	Số lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu (khi kiểm định ban đầu)	☐	☐
2	Tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị (bằng tiếng Anh và tiếng Việt) (khi kiểm định ban đầu)	☐	☐
3	Chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) (khi kiểm định ban đầu)	☐	☐
4	Sổ theo dõi quá trình sử dụng, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng (khi kiểm định định kỳ hoặc kiểm định sau sửa chữa lớn)	☐	☐
5	Kết quả kiểm định lần gần nhất (khi kiểm định định kỳ hoặc kiểm định sau sửa chữa lớn)	☐	☐

1.2. Kiểm tra bên ngoài

Bảng 2 - Nội dung kiểm tra bên ngoài

TT	Nội dung kiểm định	Đạt	Không đạt
1	Tình trạng vệ sinh	☐	☐

2	Thiết bị chính, phụ kiện đi kèm		
3	Các bộ phận bên ngoài	☐	☐
4	Khả năng đáp ứng an toàn về cơ học	☐	☐
5	Nổi đất bảo vệ	☐	☐

2. Kiểm định an toàn

2.1. Kiểm định an toàn điện

Bảng 3 - Danh mục kiểm định an toàn điện

TT	Nội dung kiểm định	Giá trị yêu cầu	Giá trị đo được	Đạt	Không đạt
1	Điện trở giữa chốt nổi đất trên vỏ máy tới chốt nổi đất của phích cắm	$< 0,5 \Omega$		☐	☐
2	Dòng điện rò vỏ máy	$< 0,5 \text{ mA}$		☐	☐
3	Dòng điện rò qua bộ phận ứng dụng (loại B)	500 μA (theo phương pháp đo thay thế) 100 μA (theo phương pháp đo trực tiếp hoặc chênh lệch)		☐	☐

2.2. Kiểm định cảnh báo

Bảng 4 - Kiểm định cảnh báo

TT	Nội dung kiểm định	Yêu cầu	Đạt	Không đạt
1	Kiểm định chức năng cảnh báo	Khi có sự cố máy sẽ báo động bằng âm thanh, hình ảnh.	☐	☐

3. Kiểm định tính năng kỹ thuật (Theo nhà sản xuất công bố - Kiểm định viên lập bảng phù hợp)

Bảng 5 - Kiểm định độ chính xác của các thông số máy thử

T T	Nội dung kiểm định	Giá trị đặt trên máy thử	Giá trị hiển thị trên máy thử	Kết quả đo			Sai số TB	Giá trị cho phép (Theo công bố của nhà sản xuất)	Đạt	Không đạt
				Lần 1	Lần 2	Lần 3				
1		Thấp: ...							☐	☐
		Trung bình: ...							☐	☐
		Cao: ...							☐	☐
2		Thấp: ...							☐	☐
		Trung bình: ...							☐	☐
		Cao: ...							☐	☐

Biên bản này được thành lập 02 bản, mỗi bên 01 bản

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

KIỂM ĐỊNH VIÊN